

Phụ lục I

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐỘT PHÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nội dung Chỉ tiêu / Mục tiêu đo lường (KPIs)	Lộ trình thực hiện sớm	Hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đơn vị thực hiện	Căn cứ NQ
I. HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ AN TOÀN THÔNG TIN (NQ57)							
1	100% CSGD kết nối cáp quang ≥ 1 Gbit/s và phủ sóng WiFi thế hệ mới toàn khuôn viên trường học — hạ tầng kết nối cho đổi mới dạy học	2027	2030	VP Sở	Phòng KHTC, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57
2	100% CSGD chuẩn hóa máy tính, phần mềm bản quyền, đáp ứng vận hành AI	Lộ trình từng năm, hoàn tất sớm 2028	2030	VP Sở	Phòng KHTC, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57
3	100% CSGD có tối thiểu 01 phòng học số (AI Camera, màn hình tương tác, âm thanh kỹ thuật số) theo Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật Thành phố — không gian học tập số cho mọi học sinh	Lộ trình từng năm, hoàn tất sớm 2028	2030	VP Sở	Phòng KHTC, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
4	1.000 CSGD phổ thông đạt chuẩn "Trường học số" tiêu biểu cấp Thành phố; hệ số chênh lệch năng lực số nhóm dẫn đầu và nhóm cuối $\leq 1,3$ lần	Lộ trình từng năm; 300 trường đến 2027; 700 đến 2028	2030	VP Sở	Phòng KHTC, Phòng CM, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
5	100% CSGD hoàn thành phê duyệt cấp độ ATTT; triển khai phòng chống mã độc tập trung, tường lửa thế hệ mới, cơ chế sao lưu và phục hồi dữ liệu toàn ngành	2027	2030	VP Sở	Phòng KHTC, CA TP, TT CDS TP	Các CSGD	NQ57
6	100% giáo viên và trên 80% học sinh THPT được đào tạo nhận diện, phòng ngừa tấn công mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian số	Lộ trình từng năm	2030	Phòng HSSV	VP Sở, Phòng CM, CA TP	Các CSGD	NQ57

7	100% CSGD xây dựng và ban hành Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân học sinh (PDPA) tại cơ sở, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế và được phê duyệt tập trung	Lộ trình từng năm, hoàn tất 2027	2030	VP Sở	Phòng KTPC, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57
II. CƠ SỞ DỮ LIỆU, VĂN PHÒNG SỐ VÀ QUẢN TRỊ GIÁO DỤC THÔNG MINH (NQ57)							
8	100% dữ liệu GD&ĐT tập trung trên CSDL quốc gia, đạt tiêu chí "Đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung"; liên thông HCM-LGSP và IOC Thành phố theo thời gian thực	Lộ trình từng năm	2030	VP Sở	Phòng thuộc Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57
9	100% người học, nhân sự được xác thực VNeID; cấp Mã số hồ sơ học tập suốt đời duy nhất (Lifelong Learning ID), liên thông từ mầm non đến đại học	Lộ trình từng năm	2030	VP Sở	Phòng thuộc Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57
10	100% CSGD vận hành Văn phòng số toàn trình: 100% hồ sơ chuyên môn (học bạ, sổ đăng bộ, văn bằng, chứng chỉ) số hóa và ký số; 100% TTHC trực tuyến toàn trình; 100% thu học phí không dùng tiền mặt	2027	2030	VP Sở, QLCL, Phòng KHTC	Phòng thuộc Sở, UBND P/X/ĐK	Sở, P/X/ĐK, CSGD	NQ57+NQ71
11	100% quy trình quản lý y tế, sức khỏe, dinh dưỡng, bán trú, hoạt động ngoài giờ vận hành trên môi trường số; phụ huynh giám sát được theo thời gian thực	2027	2030	Phòng HSSV	Phòng thuộc Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
12	Hệ thống điều hành giáo dục thông minh (IEOC) vận hành thực chất, kết nối HCM-LGSP và IOC Thành phố; uptime $\geq 99,5\%$; độ trễ đồng bộ <5 phút; thu thập >10 triệu xAPI statement/tháng (2028)	Q4/2026 thử nghiệm	2028 toàn diện	VP Sở	Sở KH&CN, TT CDS TP, CA TP	Sở, P/X/ĐK, CSGD	NQ57+NQ71
13	Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) toàn ngành được xây dựng, vận hành và công bố công khai hàng năm; xếp hạng DTI từng CSGD và từng P/X/ĐK	Ban hành 2026	Hàng năm	VP Sở	Phòng CM, UBND P/X/ĐK	Sở GD&ĐT	NQ57

14	Cổng thông tin điện tử ngành GD&ĐT được nâng cấp và tích hợp vào Cổng thông tin điện tử Thành phố theo mô hình thống nhất; số hóa toàn bộ quy trình tiếp nhận, xử lý khiếu nại, kiến nghị	2026	2027	VP Sở, Phòng KTPC	Phòng thuộc Sở	Sở GD&ĐT	NQ57
III. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC SỐ VÀ HỌC LIỆU (NQ57 + NQ71 — điểm hội tụ)							
15	100% LMS vận hành thực chất (không hình thức), tuân thủ chuẩn xAPI 1.0, kết nối LRS trung tâm IEOC; tỷ lệ học sinh đăng nhập LMS ≥ 3 lần/tuần đạt $\geq 70\%$ vào năm 2028	Lộ trình từng năm; $\geq 50\%$ LMS đạt xAPI vào 2027	2030	VP Sở	Phòng CM, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
16	Kho tài nguyên số dùng chung: >10.000 học liệu chất lượng cao đã thẩm định; $\geq 80\%$ gắn metadata chuẩn mở (Dublin Core/IEEE LOM); 100% môn học có học liệu dùng chung.	Lộ trình từng năm, hoàn tất sớm 2028	2030	Phòng CM	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
17	>80% giáo viên tham gia xây dựng bài giảng tương tác và học liệu đa phương tiện đạt chuẩn kỹ thuật; năng lực này là tiêu chí đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm	Lộ trình từng năm	2030	Phòng CM	TCCB, VP Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ71
18	100% CSGD đổi mới kiểm tra, đánh giá từ đo lường kiến thức sang đánh giá toàn diện tiến trình năng lực trên môi trường số; tiến tới tổ chức thi trên máy tính an toàn, khách quan	Lộ trình từng năm, hoàn tất sớm 2028	2030	Phòng QLCL	VP Sở, Phòng GDPT, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
IV. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) (NQ57 phục vụ NQ71)							
19	100% nền tảng số, phần mềm quản lý tích hợp AI có chủ quyền, LLM và trợ lý ảo; 100% CBQL có trợ lý AI phân tích báo cáo tức thời và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu	Lộ trình từng năm	2030	VP Sở	Phòng CM, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57
20	$\geq 60\%$ giải pháp AI/LLM triển khai là sản phẩm nội địa (Made in Vietnam/HCM) — chủ quyền công nghệ số; đặt mục tiêu $\geq 30\%$ vào năm 2028	$\geq 30\%$ vào 2028	2030	Phòng CM	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57

21	100% CSGD triển khai trợ lý AI chuyên sâu hỗ trợ giáo viên thiết kế bài giảng, cá nhân hóa sự phạm và tự động hóa chấm điểm; 100% học sinh phổ thông có tài khoản AI cá nhân có kiểm soát	Lộ trình từng năm, hoàn tất sớm 2028	2030	VP Sở	Phòng CM, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
22	100% chương trình giáo dục từ cấp tiểu học tích hợp AI, khoa học dữ liệu và đạo đức số; hình thành tư duy thuật toán — đào tạo công dân số tương lai	Lộ trình từng năm, hoàn tất sớm 2028	2030	Phòng GDPT	VP Sở	Các CSGD	NQ57+NQ71
23	Hội đồng Đạo đức AI ngành GD TP.HCM thành lập và vận hành thực chất; thực hiện AIA định kỳ 12 tháng kiểm tra thuật toán không phân biệt học sinh; Báo cáo Đạo đức AI công bố hàng năm trên IEOC	Thành lập Q2/2026	Thường xuyên	VP Sở	Phòng CM, chuyên gia AI, Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	NQ57
V. NĂNG LỰC SỐ VÀ CÔNG DÂN SỐ (NQ57 + NQ71)							
24	100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn năng lực số quốc gia; trên 80% đạt chuẩn nâng cao và trực tiếp tham gia xây dựng học liệu tương tác; năng lực số là tiêu chí bắt buộc trong đánh giá bổ nhiệm	Lộ trình từng năm	2030	Phòng TCCB, Phòng CM	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
25	100% học sinh đạt chuẩn năng lực số tiếp cận quốc tế; 30%–50% học sinh được đào tạo chuyên sâu về AI và có tư duy an toàn trên không gian mạng	Lộ trình từng năm	2030	Phòng CM	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
26	100% học sinh có thiết bị học tập số đạt chuẩn; học sinh hộ nghèo/cận nghèo đạt 100% vào năm 2028; 100% trường THPT có chương trình Khởi nghiệp & ĐMST, ươm tạo ≥01 dự án/năm	Lộ trình từng năm	2030	Phòng KHTC, Phòng CM	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71
27	Công nhận tín chỉ tương đương cho 50% khóa học trực tuyến của Thành phố; 100% người dân trong độ tuổi đi học và 20% người trưởng	Lộ trình từng năm	2030	Phòng CM, Phòng	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Các CSGD	NQ57+NQ71

	thành tiếp cận dịch vụ số GD&ĐT			GDTX			
VI. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO THEO NQ71-NQ/TW							
28	≥80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia thực chất và bền vững — mức độ CDS là một tiêu chí đánh giá trường chuẩn; HDI giáo dục Thành phố >0,85	Lộ trình từng năm	2030	Phòng GDPT	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Sở, P/X/ĐK, CSGD	NQ57+NQ71
29	Hoàn thành phổ cập GD mầm non 3–5 tuổi; GD bắt buộc đến hết THCS; 90% HS tiểu học học 2 buổi/ngày — IEOC quản lý phổ cập và chống bỏ học 100% trực tuyến	Lộ trình từng năm	2030	Phòng GDMN, GDPT	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Sở, P/X/ĐK, CSGD	NQ57+NQ71
30	95% HS THCS chuyển tiếp THPT và các trình độ tương đương; tuyển sinh đầu cấp 100% trực tuyến qua IEOC — chống bỏ học và phân tuyển minh bạch bằng dữ liệu	Lộ trình từng năm	2030	Phòng GDPT	VP Sở, CA TP, UBND P/X/ĐK	Sở, P/X/ĐK, CSGD	NQ57+NQ71
31	≥10% trường phổ thông triển khai tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai; nền tảng học TA số tích hợp AI cá nhân hóa theo năng lực từng HS; 100% trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh	Lộ trình từng năm	2030	Phòng GDPT	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Sở, P/X/ĐK, CSGD	NQ57+NQ71
33	Duy trì và nâng cao thứ hạng trong Mạng lưới Thành phố học tập toàn cầu UNESCO; TP.HCM là hình mẫu GD thông minh Đông Nam Á; phấn đấu xuất khẩu mô hình GD số ra khu vực	Thường xuyên	2030	Sở GD&ĐT	Phòng GDPT, các tổ chức quốc tế	Sở GD&ĐT	NQ57+NQ71

Ghi chú viết tắt: VP Sở = Văn phòng Sở | P/X/ĐK = Phường, Xã, Đặc khu | KHTC = Phòng Kế hoạch Tài chính | TCCB = Phòng Tổ chức cán bộ | CM = Phòng Chuyên môn | GDPT = Phòng GD Phổ thông | GDMN = Phòng GD Mầm non | HSSV = Phòng Học sinh Sinh viên | QLCL = Phòng Quản lý Chất lượng | KTPC = Phòng Kiểm tra Pháp chế | GDTX = Phòng GDTX, Chuyên nghiệp & DH | TT CDS = Trung tâm Chuyển đổi số | CA TP = Công an Thành phố | AIA = Đánh giá tác động AI | DTI = Chỉ số chuyển đổi số | PDPA = Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân | LRS = Learning Record Store | xAPI = Experience API

Phụ lục II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN VÀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày tháng năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Nội dung Nhiệm vụ / Giải pháp	Sản phẩm / Kết quả đầu ra / Chỉ tiêu	Thời hạn	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền phê duyệt / Giám sát	Căn cứ NQ
NHÓM 1: LÃNH ĐẠO, THỂ CHẾ VÀ NHẬN THỨC (NQ57 + NQ71)								
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo CDS: Thành lập Tổ giúp việc và các Tiểu ban chuyên đề phụ trách CDS (NQ57) và Đổi mới GD (NQ71); cơ chế phối hợp định kỳ tháng; quán triệt nguyên tắc "6 Rõ" toàn bộ nhiệm vụ	QĐ thành lập; Quy chế; KH hành động chi tiết	Q2/2026	VP Sở	Các phòng thuộc Sở	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
2	Vận hành ETMS tích hợp AI: kiểm soát luân chuyển văn bản; theo dõi 33 KPI phân loại NQ57/NQ71 theo 6 Rõ; Dashboard BGĐ thời gian thực; tự động tổng hợp báo cáo tuần/tháng	Hệ thống ETMS vận hành; 100% công việc giao đủ 6 Rõ; Dashboard vận hành	Q4/2026	VP Sở	Các phòng thuộc Sở	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
3	Trình UBND TP phê duyệt QĐ thành lập IEOC: mô hình pháp lý, cơ quan chủ quản, biên chế tối thiểu, thẩm quyền ký kết hợp đồng — điều kiện tiên quyết để triển khai toàn bộ hệ thống CDS	QĐ UBND TP về thành lập IEOC	Q2/2026	VP Sở	Sở KH&CN, TT CDS TP, Sở Nội vụ	Sở GD&ĐT	UBND TP	NQ57
4	Gửi công văn và nhận xác nhận bằng văn bản của Sở KH&CN về kiến trúc	VB xác nhận kiến trúc của	Q2/2026	VP Sở	Sở KH&CN, TT CDS TP	Sở GD&ĐT	BGD Sở	NQ57

	IEOC/LRS/xAPI tương thích QĐ 1293/QĐ-UBND (Khung kiến trúc dữ liệu TP) trước khi triển khai kỹ thuật	Sở KH&CN						
5	Kiến tạo thể chế mở: Đề xuất cơ chế thí điểm mô hình GD thông minh (Trường học số, Lớp học số, công nhận số, AI, VR/AR); ban hành Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật "Trường học số" và "Lớp học số"	Cơ chế, QĐ thí điểm được UBND TP phê duyệt; Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật	Năm 2026	Phòng CM	VP Sở, Sở KH&CN, Phòng KTPC	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	UBND TP	NQ57
6	Hội đồng Đạo đức AI ngành GD TP.HCM: thành lập, ban hành Quy chế; AIA định kỳ 12 tháng kiểm tra thuật toán không phân biệt học sinh; Báo cáo Đạo đức AI công bố hàng năm trên IEOC	QĐ thành lập; Quy chế; Lịch AIA 2026–2030; Báo cáo AIA công khai IEOC	Q2/2026	VP Sở	Phòng CM, chuyên gia AI, Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	BGD Sở	NQ57
7	Chương trình bồi dưỡng bắt buộc 40h/năm cho toàn bộ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng CM: quản trị dựa trên dữ liệu, tư duy thiết kế, quản lý thay đổi, đánh giá theo đầu ra	100% CBQL hoàn thành 40h/năm; Chứng nhận bồi dưỡng; Đánh giá đầu ra	Hàng năm từ 2026	Phòng TCCB	VP Sở, Phòng CM	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
8	Quy chế bảo vệ dữ liệu học sinh toàn ngành (PDPA): k-anonymity ≥ 5 ; danh mục dữ liệu được/không được khai thác; cơ chế cấp phép EdTech; tái đầu tư $\geq 70\%$; báo cáo công khai hàng năm	Quy chế được UBND TP và HĐ Đạo đức AI phê duyệt; BC công khai hàng năm	Q3/2026	VP Sở	Phòng KTPC, Sở Tư pháp, Sở Tài chính	Sở GD&ĐT	UBND TP	NQ57
9	Truyền thông chiến lược NQ57+NQ71: ≥ 2 hội nghị chuyên đề/năm; xây dựng chuyên trang số; ≥ 1 cuộc thi ĐMST cấp Thành phố/năm; 100% cán bộ, giáo viên quán triệt đầy đủ 2 Nghị quyết	Hội nghị; Chuyên trang số; Cuộc thi; Chứng nhận bồi dưỡng NQ	Hàng năm	VP Sở	Các phòng thuộc Sở, Báo đài TP	Sở GD&ĐT	BGD Sở	NQ57+NQ71

NHÓM 2: HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ, QUẢN TRỊ DỮ LIỆU VÀ AN NINH MẠNG (NQ57 — nền tảng vật chất cho đổi mới GD)

10	Nâng cấp hạ tầng số 100% CSGD: cáp quang $\geq 1\text{Gbit/s}$, WiFi thế hệ mới, máy chủ, thiết bị thông minh; lồng ghép chuẩn hạ tầng số vào quy hoạch, thiết kế trường mới và cải tạo ngay từ đầu	100% CSGD đạt chuẩn hạ tầng; Biên bản nghiệm thu từng giai đoạn	2026–2030	VP Sở	Phòng KHTC, UBND P/X/ĐK, Sở XD	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	UBND TP, BGĐ Sở	NQ57
11	Triển khai chiến dịch dữ liệu toàn diện theo Chiến lược dữ liệu TP 2026–2030: làm sạch, gán VNeID 100% người học, nhà giáo, CSVN; thiết lập luồng kết nối dữ liệu xuyên suốt từ TP đến P/X/ĐK; đồng bộ CSDL dân cư (Đề án 06)	100% dữ liệu đạt Đúng-Đủ-Sạch-Sống; Báo cáo chất lượng dữ liệu/tháng	Thường xuyên	VP Sở	Phòng CM, UBND P/X/ĐK, CA TP	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGĐ Sở	NQ57
12	Xây dựng và vận hành IEOC: LRS thu thập xAPI statement (>10 triệu/tháng đến 2028), Big Data+AI Dashboard thời gian thực, kết nối HCM-LGSP và IOC TP; uptime $\geq 99,5\%$, độ trễ <5 phút	Biểu đồ trực quan; API liên thông LGSP; Uptime $\geq 99,5\%$; BC hiệu năng/tháng	Q4/2026 TN; 2028 mở rộng	VP Sở	Sở KH&CN, TT CDS TP, CA TP	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGĐ Sở	NQ57+NQ71
13	Số hóa toàn diện hành chính giáo dục: Văn phòng số 100% CSGD; học bạ số, văn bằng số; 100% TTHC trực tuyến toàn trình; thu học phí điện tử; hồ sơ y tế–bản trú điện tử — giải phóng nhà giáo khỏi gánh nặng giấy tờ	Cổng DVC toàn trình; Hệ thống VP số; y tế–bản trú số; BC giao dịch	2026–2027	VP Sở	Phòng CM, HSSV, KHTC, UBND P/X/ĐK	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	UBND TP	NQ57+NQ71
14	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử ngành GD&ĐT, tích hợp vào Cổng TP theo mô hình thống nhất; số hóa toàn bộ quy trình tiếp nhận, xử lý, trả lời khiếu nại, kiến nghị, phản ánh	Cổng thông tin điện tử tích hợp; Hệ thống tiếp nhận khiếu nại trực tuyến	2026	VP Sở, Phòng KTPC	Phòng thuộc Sở	Sở GD&ĐT	BGĐ Sở	NQ57
15	Thành lập Edu-CSIRT: 3 kịch bản ứng phó sự cố (tấn công IEOC, rò rỉ dữ liệu HS, ransomware); đăng ký VNCERT/CC; diễn tập thực chiến 2 lần/năm; SLA 4h–24h–72h phản ứng	Edu-CSIRT vận hành; 3 kịch bản phê duyệt; Biên bản diễn tập; Chứng	Q3/2026	VP Sở	TT CDS TP, CA TP	Sở GD&ĐT	BGĐ Sở	NQ57

		nhận VNCERT						
16	Xây dựng Learning Record Store (LRS) tích hợp IEOC; ban hành taxonomy xAPI chuẩn TP.HCM (được Sở KH&CN xác nhận); kết nối thí điểm 100 trường đầu tiên trước 2028	LRS vận hành; Độ trễ <5 phút; Uptime ≥99,5%; Taxonomy được xác nhận	Q3/2027 TN; 2028 toàn diện	VP Sở	Sở KH&CN, TT CDS TP, DN EdTech	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57
17	Xây dựng và vận hành Bộ chỉ số DTI (Digital Transformation Index) toàn ngành: xếp hạng mức độ CDS từng CSGD và P/X/ĐK; công bố công khai hàng năm để thúc đẩy cạnh tranh tích cực	Bộ chỉ số DTI ban hành; Bảng xếp hạng công khai hàng năm	Năm 2026	VP Sở	Phòng CM, UBND P/X/ĐK	Sở GD&ĐT	BGD Sở	NQ57
NHÓM 3: ĐỔI MỚI KHÔNG GIAN DẠY – HỌC VÀ ỨNG DỤNG AI (NQ57 + NQ71 — điểm hội tụ chiến lược)								
18	Vận hành LMS và Văn phòng số thực chất (không hình thức): LMS kết nối LRS theo xAPI 1.0; học bạ số, sổ điểm số; tỷ lệ HS đăng nhập LMS ≥3 lần/tuần đạt ≥70% vào năm 2028	100% CSGD LMS thực chất; 100% hồ sơ ký số; Tỷ lệ HS đăng nhập đạt KPI	2026–2030	VP Sở	Phòng CM, Sở KH&CN, UBND P/X/ĐK	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
19	AI trợ giảng toàn ngành: trợ lý ảo GV thiết kế bài giảng, chấm điểm, cá nhân hóa lộ trình học HS theo lứa tuổi; AIA bắt buộc trước mỗi lần triển khai hệ thống AI đánh giá tự động	Tỷ lệ GV/HS sử dụng AI; BC AIA công khai trên IEOC cho phụ huynh giám sát	2026–2030	Phòng CM	VP Sở, UBND P/X/ĐK	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
20	Đổi mới toàn diện khảo thí: AI+BigData xây dựng ngân hàng câu hỏi thông minh; đánh giá năng lực tiến trình trên môi trường số; tiến tới tổ chức thi trên máy tính an toàn, khách quan — chấm dứt bệnh thành tích	Hệ thống thi trên máy tính an toàn, minh bạch; BC AIA khảo thí hàng năm	2026–2030	Phòng QLCL	Phòng GDPT, VP Sở, KHTC	Sở, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71

21	Kho học liệu số dùng chung và thư viện số: thẩm định, gắn metadata Dublin Core/IEEE LOM $\geq 80\%$; tích hợp VR/AR bộ môn trọng điểm; hệ sinh thái học tập suốt đời phục vụ mọi đối tượng	Kho học liệu đã thẩm định; Thư viện số vận hành; BC sử dụng/năm	2026–2030	Phòng GDTX, CN & ĐH	Phòng GDPT, VP Sở	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
22	Sandbox EdTech: hành lang pháp lý thử nghiệm có kiểm soát AI, VR/AR, nền tảng GD mới tại CSGD; ưu tiên giải pháp Make in Ho Chi Minh City; ≥ 5 dự án TN/năm; AIA trước triển khai đại trà; hỗ trợ CSGD ngoài công lập tiếp cận cơ chế	Quy chế sandbox; ≥ 5 dự án TN/năm; Báo cáo đánh giá và nhân rộng	Năm 2026	Phòng CM, Phòng QLC CSGD NCL	VP Sở, Sở KH&CN, DN EdTech	Sở GD&ĐT	BGD Sở	NQ57
NHÓM 4: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC SỐ VÀ HỆ SINH THÁI ĐMST (NQ57 + NQ71)								
23	Triển khai giáo dục STEM/STEAM & AI: lồng ghép khoa học máy tính, AI và đạo đức số vào chương trình chính khóa từ tiểu học; hình thành tư duy thuật toán — đào tạo công dân số và Không gian sáng tạo tại THCS/THPT	KH đào tạo; Số HS học AI; Danh sách Không gian sáng tạo; Dự án ươm tạo/năm	Thường xuyên	Phòng CM, Phòng GDPT	VP Sở, KHTC, DN/ĐH	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
24	Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo: ban hành Khung kỹ năng số đặc thù TP tích hợp Khung AI UNESCO; triển khai Đề án nâng cao năng lực số và AI cho đội ngũ; GV nòng cốt CDS tại mỗi CSGD; năng lực số là tiêu chí bổ nhiệm	Khung KNS ban hành; 100% nhân sự làm chủ CN sự phạm; Chứng nhận năng lực số	2026–2030	Phòng TCCB	VP Sở, DN công nghệ, ĐHQG TP	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
25	Cơ chế đãi ngộ và thu hút nhân tài số: chính sách đặc thù thu hút chuyên gia AI, kỹ sư dữ liệu về IEOC; đặt hàng đào tạo GV đặc thù còn thiếu; tham mưu cơ chế lương đặc biệt theo NQ27/2023/NQ-HĐND	QĐ cơ chế đãi ngộ; Danh sách chuyên gia tuyển dụng; Hợp đồng đặt hàng đào tạo	Năm 2026	Phòng TCCB	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	UBND TP	NQ57+NQ71

26	Xây dựng CSDL nhân lực KH-CN-CĐS toàn ngành: kết nối CSDL quốc gia; AI dự báo nhu cầu nhân lực; hỗ trợ quy hoạch và thu hút nhân tài; liên thông dữ liệu nhân sự với Sở Nội vụ	CSDL nhân lực vận hành; BC phân tích nhu cầu hàng năm; KH đào tạo-bồi dưỡng	2026–2027	Phòng TCCB	VP Sở, Sở Nội vụ, Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	BGD Sở	NQ57
27	Phát triển hệ sinh thái học tập suốt đời: đẩy mạnh GD nghề nghiệp và GDTX trên nền tảng số; AI dự báo nhu cầu nhân lực cập nhật chương trình; liên thông dữ liệu CSGD nghề nghiệp với ngành; hỗ trợ đào tạo trực tuyến linh hoạt	Hệ sinh thái học tập suốt đời vận hành; BC liên thông dữ liệu GDTX	2026–2030	Phòng GDTX, CN & ĐH	VP Sở, Phòng CM, Sở LĐT&XH	Sở, CSGD	BGD Sở	NQ57+NQ71
NHÓM 5: HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ (NQ57 + NQ71)								
28	Đảm bảo ngân sách NQ57: 4–5% chi sự nghiệp KH-CN và CĐS hàng năm theo NQ489/NQ-HĐND;	KH vốn hàng năm được duyệt; BC giải ngân theo quý	Hàng năm	Phòng KHTC	Các phòng thuộc Sở, UBND P/X/ĐK	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	BGD Sở	NQ57
29	Hợp tác quốc tế và Thành phố học tập UNESCO: ≥2 MOU/năm với tập đoàn CN hàng đầu; chuyển giao AI, Big Data, Cloud; duy trì UNESCO City of Learning; ≥1 diễn đàn GD thông minh QT/năm; phân đầu TP.HCM xuất khẩu mô hình GD số	MOU ký kết; Biên bản chuyển giao CN; Hội nghị QT; BC xếp hạng UNESCO	2026–2030	Sở GD&ĐT	Phòng GDPT, ĐHQG TP.HCM, tổ chức QT	Sở, UBND P/X/ĐK, CSGD	UBND TP	NQ57+NQ71

Ghi chú viết tắt: VP Sở = Văn phòng Sở | P/X/ĐK = Phường, Xã, Đặc khu | KHTC = Phòng Kế hoạch Tài chính | TCCB = Phòng Tổ chức cán bộ | CM = Phòng Chuyên môn | GDPT = Phòng GD Phổ thông | GDMN = Phòng GD Mầm non | HSSV = Phòng Học sinh Sinh viên | QLCL = Phòng QL Chất lượng | KTPC = Phòng Kiểm tra Pháp chế | QLC NCL = Phòng QL CSGD Ngoài công lập | GDTX = Phòng GDTX, Chuyên nghiệp & ĐH | BGD = Ban Giám đốc | TT CĐS = Trung tâm Chuyển đổi số | CA TP = Công an Thành phố | HĐ = Hội đồng | AIA = Đánh giá tác động AI | DTI = Chỉ số CĐS | PPP = Hợp tác công tư | PDPA = Bảo vệ dữ liệu cá nhân | EdTech = Doanh nghiệp công nghệ GD | XHH = Xã hội hóa | DL = Dữ liệu | NQ = Nghị quyết